

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 16-4-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và bảo lãnh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 482/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1968; HKTT: Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1982; Ngụ tại: Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1992; HKTT: Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn bà H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Đ được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/02/2021, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên bà H1 có dẫn bà Đ đến nhà bà H vay mượn tiền để xoay sở trong gia đình. Bà H có nói bà H1 là không quen biết bà Đ nên không cho mượn nhưng bà H1 nói với bà H là bà H1 đứng ra bảo lãnh số tiền mà bà Đ mượn. Vì là chỗ quen biết, tin tưởng nên bà H cho bà Đ vay số tiền là 20.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 11/6/2020, bà H cho bà Đ vay 12.500.000 đồng và hứa góp mỗi ngày trong vòng 02 tháng sẽ hoàn trả hết số tiền cho bà H.

Lần 2: Ngày 03/7/2020, bà H cho bà Đ vay 7.500.000 đồng và hứa góp mỗi ngày trong vòng 02 tháng sẽ hoàn trả hết số tiền cho bà H.

Tuy nhiên kể từ sau khi mượn bà Đ không góp tiền cho bà H được ngày nào, nhiều lần bà H yêu cầu bà Đ trả nợ nhưng bà Đ không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2020, bà H yêu cầu bà Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Kim H1 liên đới thanh toán số tiền là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đ thanh toán cho bà H số tiền là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Trong trường hợp bà Đ không có khả năng trả nợ thì bà H yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 20.000.000 đồng mà bà Đ đã mượn vì bà H1 là người bảo lãnh số tiền này.

Ngoài ra bà H không có ý kiến nào khác.

** Theo bản tự khai ngày 16/12/2020 bị đơn (bà Đ) trình bày:*

Bà Đ thừa nhận có mượn của bà H tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Cụ thể: lần 1 ngày 11/6/2020 mượn 12.500.000 đồng và lần 2 ngày 03/7/2020 mượn 7.500.000 đồng. Bà H khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền 20.000.000 đồng thì bà đồng ý thanh toán.

Ngoài ra bà Đ không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 02/02/2021 bị đơn (bà H1) trình bày:*

Bà H1 có dẫn bà Đ đến mượn tiền của bà H 02 lần. Ngày 11/6/2020 mượn số tiền 12.500.000 đồng. Ngày 03/7/2020 mượn 7.500.000 đồng. Khi bà Đ vay có làm giấy cho bà H và bà H1 có ký tên với tư cách người bảo lãnh. Nay bà H yêu cầu bà Đ và bà H1 liên đới thanh toán số tiền 20.000.000 đồng thì bà H1 có ý kiến như sau: Bà H1 yêu cầu bà Đ phải có trách nhiệm trả cho bà H 20.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ bảo lãnh của bà H1 thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật xem xét xử lý. Bà H1 thừa nhận chữ ký lẫn tay trong các giấy nợ ngày 11/6/2020 và 03/7/2020 là của bà H1.

Ngoài ra bà H1 không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và bảo lãnh)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện bà Đ yêu cầu thanh toán số tiền là 20.000.000 tiền gốc theo các giấy mượn tiền ngày 12/6/2020; 03/7/2020 và khởi kiện bà H1 yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền bà Đ đã vay. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp HP, xã ĐH, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương và bà H1 có địa chỉ tại khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H, bà H1 có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bà Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Bà H có cho bà Đ vay tiền hai lần với số tiền là 20.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Trong trường hợp bà Đ không trả nợ thì bà H yêu cầu bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bà Đ đã mượn.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà Đ thừa nhận số tiền vay và đồng ý thanh toán cho bà H số tiền là 20.000.000 đồng.

Bà H1 thừa nhận có dẫn bà Đ đến mượn tiền của bà H 02 lần với số tiền là 20.000.000 đồng và bà có ký tên với tư cách người bảo lãnh. Trước yêu cầu khởi

kiện của bà H thì bà H1 đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật xem xét xử lý.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hợp đồng vay tài sản: Xét thấy các giấy mượn tiền ngày 12/6/2020, 03/7/2020 do nguyên đơn cung cấp là bản chính. Mặt khác, bà Đ thừa nhận có vay của bà H tổng số tiền là 20.000.000 đồng và các giấy nợ đề ngày 12/6/2020; 03/7/2020 là do bà viết, ký tên. Do đó thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền 20.000.000 đồng và bà Đ đồng ý thanh toán nên ghi nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[2.3] Về quan hệ hợp đồng bảo lãnh: Bà H1 thừa nhận có ký tên vào 02 giấy mượn tiền ngày 12/6/2020, 03/7/2020 với tư cách người bảo lãnh. Do đó đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H1 là bên bảo lãnh đối với khoản vay 20.000.000 đồng của bà Đ nên bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh khi bên được bảo lãnh (bà Đ) không thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận bảo lãnh (bà H) theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bà H.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 335, 336, 339, 342, 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và bảo lãnh)” của bà Hoàng Thị H đối với bà Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị Kim H1.

Buộc bà Nguyễn Anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Trong trường hợp bà Nguyễn Anh Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị H thì bà Nguyễn Thị Kim H1 có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị H đối với số tiền bà Nguyễn Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Anh Đ phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng).
- Hoàn lại cho bà Hoàng Thị H số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045291 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh